



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA CHỊU NHIỆT TIÊU CHUẨN ĐỨC



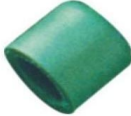
ĐVT: VND/m, VND/chiếc

TÊN HÀNG	Kích cỡ	Đơn vị	Đơn giá
ỐNG PN10 	Φ20 x 2.3mm	đ/m	16.000
	Φ25 x 2.3mm	đ/m	28.500
	Φ32 x 2.9mm	đ/m	37.000
	Φ40 x 3.7mm	đ/m	48.500
	Φ50 x 4.6mm	đ/m	71.500
	Φ63 x 5.8mm	đ/m	116.000
	Φ75 x 6.8mm	đ/m	162.000
	Φ90 x 8.2mm	đ/m	233.000
	Φ110 x 10.0mm	đ/m	346.500
	Φ125 x 11.4mm	đ/m	459.900
	Φ140 x 12.7mm	đ/m	573.300
ỐNG PN20 	Φ20 x 3.4mm	đ/m	19.700
	Φ25 x 4.2mm	đ/m	35.000
	Φ32 x 5.4mm	đ/m	48.600
	Φ40 x 6.7mm	đ/m	75.200
	Φ50 x 8.3mm	đ/m	117.000
	Φ63 x 10.5mm	đ/m	184.800
	Φ75 x 12.5mm	đ/m	262.000
	Φ90 x 15.0mm	đ/m	376.500
	Φ110 x 18.3mm	đ/m	561.000
	Φ125 x 20.8mm	đ/m	761.300
	Φ140 x 23.3mm	đ/m	955.500
ỐNG PN25 	Φ20 x 4.0mm	đ/m	21.800
	Φ25 x 5.0mm	đ/m	38.000
	Φ32 x 6.4mm	đ/m	55.500
	Φ40 x 8.0mm	đ/m	85.800
	Φ50 x 10.0mm	đ/m	133.500
	Φ63 x 12.6mm	đ/m	213.000
	Φ75 x 15.0mm	đ/m	300.000
	Φ90 x 18.0mm	đ/m	432.500
	Φ110 x 22.0mm	đ/m	645.500
	Φ125 x 25.1mm	đ/m	873.000
	Φ140 x 28.1mm	đ/m	1093.000
ỐNG TRÁNH 	Φ20	đ/cái	15.000
	Φ25	đ/cái	29.900
	Φ32	đ/cái	51.200

TÊN HÀNG	Kích cỡ	Đơn vị	Đơn giá
CÚT 90° 	Φ20	đ/cái	4.000
	Φ25	đ/cái	5.300
	Φ32	đ/cái	9.200
	Φ40	đ/cái	15.200
	Φ50	đ/cái	26.400
	Φ63	đ/cái	81.000
	Φ75	đ/cái	105.600
	Φ90	đ/cái	165.700
	Φ110	đ/cái	299.300
CHÉCH 45° 	Φ20	đ/cái	3.300
	Φ25	đ/cái	5.300
	Φ32	đ/cái	7.900
	Φ40	đ/cái	15.800
	Φ50	đ/cái	30.200
	Φ63	đ/cái	70.000
	Φ75	đ/cái	106.300
	Φ90	đ/cái	132.500
	Φ110	đ/cái	220.400
TÊ 	Φ20	đ/cái	4.600
	Φ25	đ/cái	7.200
	Φ32	đ/cái	11.900
	Φ40	đ/cái	18.900
	Φ50	đ/cái	37.900
	Φ63	đ/cái	91.000
	Φ75	đ/cái	113.900
TÊ THU 	Φ90	đ/cái	179.900
	Φ110	đ/cái	318.300
	Φ25	đ/cái	7.200
	Φ32	đ/cái	12.600
	Φ40	đ/cái	27.800
	Φ50	đ/cái	49.400
	Φ63	đ/cái	86.000
	Φ75	đ/cái	117.700
	Φ90	đ/cái	183.500
	Φ110	đ/cái	310.000

* Giá trên đã bao gồm VAT 10%, áp dụng từ ngày 01/02/2010 trên toàn quốc.

* Giá trên được tính tại kho công ty, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

TÊN HÀNG	Kích cỡ	Đơn vị	Đơn giá
MĂNG SÔNG 	Φ20	đ/cái	2.100
	Φ25	đ/cái	3.500
	Φ32	đ/cái	5.400
	Φ40	đ/cái	8.700
	Φ50	đ/cái	15.900
	Φ63	đ/cái	33.300
	Φ75	đ/cái	52.800
	Φ90	đ/cái	89.400
	Φ110	đ/cái	144.800
MẶT BÍCH 	Φ50	đ/cái	20.600
	Φ63	đ/cái	26.200
	Φ75	đ/cái	38.600
	Φ90	đ/cái	67.600
	Φ110	đ/cái	100.300
CÓN THU 	Φ25	đ/cái	3.300
	Φ32	đ/cái	4.600
	Φ40	đ/cái	7.200
	Φ50	đ/cái	12.900
	Φ63	đ/cái	25.000
	Φ75	đ/cái	43.700
	Φ90	đ/cái	71.000
	Φ110	đ/cái	125.700
RẮCCO NHỰA 	Φ20*1/2	đ/cái	26.000
	Φ25*3/4	đ/cái	40.500
	Φ32*1	đ/cái	58.800
	Φ40*1 1/4	đ/cái	65.000
	Φ50*1 1/2	đ/cái	99.300
RẮCCO REN NGOÀI 	Φ20	đ/cái	63.000
	Φ25	đ/cái	99.000
	Φ32	đ/cái	165.000
	Φ40	đ/cái	237.000
	Φ50	đ/cái	395.000
	Φ63	đ/cái	577.500
RẮCCO REN TRONG 	Φ20	đ/cái	62.000
BỊT 	Φ20	đ/cái	2.000
	Φ25	đ/cái	3.400
	Φ32	đ/cái	4.600
	Φ40	đ/cái	6.700
BỘ MÁY HAN GỒM: MÁY HÀN + KÉO + HỘP SẮT+ ĐẤU HÀN (20 ÷ 50) 		đ/bộ	700.000

TÊN HÀNG	Kích cỡ	Đơn vị	Đơn giá
CÚT REN TRONG 90° 	Φ20*1/2	đ/cái	28.900
	Φ25*1/2	đ/cái	32.900
	Φ25*3/4	đ/cái	44.300
	Φ32*1	đ/cái	81.800
CÚT REN NGOÀI 90° 	Φ20*1/2	đ/cái	40.700
	Φ25*1/2	đ/cái	46.000
	Φ25*3/4	đ/cái	49.200
	Φ32*1	đ/cái	86.600
MĂNG SÔNG REN TRONG 	Φ20*1/2	đ/cái	26.000
	Φ25*1/2	đ/cái	32.200
	Φ25*3/4	đ/cái	35.500
	Φ32*1	đ/cái	57.800
	Φ40*1 1/4	đ/cái	146.000
	Φ50*1 1/2	đ/cái	194.300
	Φ63*2	đ/cái	385.000
MĂNG SÔNG REN NGOÀI 	Φ20*1/2	đ/cái	33.000
	Φ25*1/2	đ/cái	38.500
	Φ25*3/4	đ/cái	46.200
	Φ32*1	đ/cái	68.000
	Φ40*1 1/4	đ/cái	197.400
	Φ50*1 1/2	đ/cái	246.800
	Φ63*2	đ/cái	417.500
TÊ REN TRONG 	Φ20*1/2	đ/cái	29.200
	Φ25*1/2	đ/cái	31.200
	Φ25*3/4	đ/cái	45.500
TÊ REN NGOÀI 	Φ20*1/2	đ/cái	36.000
	Φ25*1/2	đ/cái	39.000
	Φ25*3/4	đ/cái	46.900
VAN CỬA TAY NHỰA 	Φ20	đ/cái	102.000
	Φ25	đ/cái	140.000
	Φ32	đ/cái	153.000
	Φ40	đ/cái	247.400
	Φ50	đ/cái	372.500
VAN CỬA TAY 3 CẠNH 	Φ20	đ/cái	214.000
	Φ25	đ/cái	269.000
VAN BI NHỰA 	Φ20	đ/cái	121.500
	Φ25	đ/cái	163.000
VAN BI TAY 3 CẠNH 	Φ20	đ/cái	268.000
	Φ25	đ/cái	283.000